

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty Thành viên của Reanda International  
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.  
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.  
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 Fax: + 84 (8) 3999 00 90  
Email: [info@vietvalues.com](mailto:info@vietvalues.com) | Website: [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



*Mang tri thức phục vụ khách hàng*

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015*

### **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt  
(**VIETVALUES**)  
Công ty Thành viên của Reanda International



## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02-05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06-07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	08-09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12-34

---

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán của Công ty.

### **1. Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (tên giao dịch là: Pharmedic Pharmaceutical Medicinal Joint Stock Company, tên viết tắt là: PHARMEDIC JSC) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyên thể từ Xí nghiệp Công tư hợp doanh Dược phẩm Dược liệu thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4261/QĐ-UB ngày 13 tháng 08 năm 1997 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064075 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09 tháng 12 năm 1997.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được điều chỉnh lần thứ 09 ngày 24 tháng 07 năm 2014 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được điều chỉnh lần thứ 10 ngày 07 tháng 05 năm 2015 về việc bổ sung thêm ngành, nghề kinh doanh.

Hiện công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : PMC

Vốn điều lệ : 93.325.730.000 đồng.

<b>Cơ cấu vốn</b>	<b>Vốn góp (VND)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Vốn cổ phần thuộc Nhà Nước	40.543.090.000	43,44
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	52.782.640.000	56,56
<b>Cộng</b>	<b>93.325.730.000</b>	<b>100,00</b>

### **2. Trụ sở hoạt động**

#### **▪ Trụ sở chính**

Địa chỉ : 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (8) – 3920 0502

Fax : +84 (8) – 3920 0096

Mã số thuế : 0 3 0 0 4 8 3 0 3 7

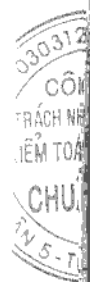
#### **▪ Nhà máy sản xuất**

Địa chỉ : 1/67 đường Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm;



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

- In ấn chi tiết: In và ép bao bì bằng nhựa, nhôm, giấy;
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu chi tiết: Sản xuất dược phẩm, dược liệu và các sản phẩm khác thuộc ngành y tế. Gia công chế biến một số nguyên liệu (chủ yếu từ dược liệu để sản xuất một số mặt hàng có tính chất truyền thống);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết: Kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư, y tế và các sản phẩm khác thuộc ngành y tế;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng chi tiết: Sản xuất vật tư, y tế;
- Sản xuất hóa chất cơ bản chi tiết: Sản xuất hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), chế phẩm diệt côn trùng – diệt vi khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (không sản xuất tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu chi tiết : Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), chế phẩm diệt côn trùng – diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (không sản xuất tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu chi tiết: Liên doanh, liên kết với tổ chức và cá nhân ở trong và ngoài nước;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, vật tư y tế, mỹ phẩm;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu chi tiết: sản xuất thực phẩm chức năng;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu chi tiết: bán lẻ thực phẩm chức năng;
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật chi tiết: dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc.

#### 4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

##### 4.1 Hội đồng quản trị

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lê Việt Hùng	Chủ tịch	29/04/2014	
Bà Mai Thị Bé	Phó Chủ tịch	29/04/2014	
Ông Trần Văn Nhiều	Thành viên	29/04/2014	
Ông Lê Văn Thiện	Thành viên	29/04/2014	
Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến	Thành viên	29/04/2014	

**4.2 Ban Kiểm soát**

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Bà Phạm Thị Hoàng	Trưởng ban	29/04/2014	
Ông Lê Hữu Hùng	Thành viên	29/04/2014	
Ông Nguyễn Thế Phong	Thành viên	29/04/2014	

**4.3 Ban Tổng Giám đốc**

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Trần Việt Trung	Tổng Giám đốc	15/07/2014	
Ông Cao Tấn Tước	Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Kế toán trưởng	29/04/2014	
Bà Mai Thị Bé	Phó Tổng Giám đốc	15/07/2014	
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Phó Tổng Giám đốc	29/04/2014	
Ông Phan Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc	29/04/2014	
Ông Trà Quang Trinh	Phó Tổng Giám đốc	04/09/2014	

**5. Đại diện pháp luật**

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Trần Việt Trung	Tổng Giám đốc	24/07/2014	

**6. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 34.

**7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**8. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

*Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*

**9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2016.*

**Hội đồng quản trị**



**LÊ VIỆT HÙNG**

**Chủ tịch**



Số: 2053/16/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập ngày 29 tháng 02 năm 2016 (từ trang 08 đến trang 34) của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2016.*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES**



**Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc**  
*Giấy CNDKHN số: 1512-2013-071-1*  
*Chữ ký được ủy quyền*

**Trần Văn Hiệp – Kiểm toán viên**  
*Giấy CNDKHN số: 2141-2013-071-1*

**Nơi nhận:**

- *Như trên.*
- Lưu **VIETVALUES**



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>221.367.604.779</b>	<b>196.295.724.545</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>122.037.494.521</b>	<b>89.010.426.988</b>
111	1. Tiền		3.037.494.521	3.010.426.988
112	2. Các khoản tương đương tiền		119.000.000.000	86.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>41.384.173.734</b>	<b>40.470.704.007</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	33.358.662.283	35.227.517.561
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	7.287.097.348	4.876.863.276
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	1.435.707.470	891.726.027
137	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	V.5	(697.293.367)	(525.402.857)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>56.942.356.249</b>	<b>64.874.358.800</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.6	56.942.356.249	64.874.358.800
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.003.580.275</b>	<b>1.940.234.750</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7	1.003.580.275	1.940.234.750
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>39.907.190.883</b>	<b>38.006.896.614</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>37.892.402.328</b>	<b>37.570.448.206</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	35.317.897.401	34.724.806.018
222	- Nguyên giá		135.783.364.322	127.893.467.801
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(100.465.466.921)	(93.168.661.783)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	2.574.504.927	2.845.642.188
228	- Nguyên giá		5.685.796.845	5.685.796.845
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.111.291.918)	(2.840.154.657)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	-
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.014.788.555</b>	<b>436.448.408</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7	2.014.788.555	436.448.408
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>261.274.795.662</b>	<b>234.302.621.159</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>55.064.852.553</b>	<b>52.308.935.554</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>55.064.852.553</b>	<b>52.308.935.554</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	6.524.177.898	4.270.222.178
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	142.153.400	139.351.944
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	7.694.782.251	7.638.723.393
314	4. Phải trả người lao động	V.13	27.065.691.818	28.054.026.878
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	5.171.304.365	4.570.935.277
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.15	8.466.742.821	7.635.675.884
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>206.209.943.109</b>	<b>181.993.685.605</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.16	<b>206.209.943.109</b>	<b>181.993.685.605</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		93.325.730.000	93.325.730.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		93.325.730.000	93.325.730.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		972.972.000	972.972.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		72.887.578.695	49.785.657.676
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		39.023.662.414	37.909.325.929
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		39.023.662.414	37.909.325.929
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>261.274.795.662</b>	<b>234.302.621.159</b>

Người lập biểu



TRẦN MẠNH HƯNG

Kế toán trưởng



CAO TÂN TUỐC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2016.



Tổng Giám Đốc



TRẦN VIỆT TRUNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	388.004.910.081	363.811.852.246
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	346.241.963	335.966.129
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		387.658.668.118	363.475.886.117
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	222.099.438.535	200.660.329.492
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		165.559.229.583	162.815.556.625
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	4.116.793.740	2.875.163.280
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	123.038.304	38.268.923
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	45.674.664.929	45.600.353.702
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	40.883.548.654	39.489.326.526
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		82.994.771.436	80.562.770.754
31	11. Thu nhập khác	VI.8	756.769.994	768.566.788
32	12. Chi phí khác	VI.9	1.140.480.031	1.119.590.949
40	13. Lợi nhuận khác		(383.710.037)	(351.024.161)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		82.611.061.399	80.211.746.593
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12	18.687.825.985	17.882.847.664
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		63.923.235.414	62.328.898.929
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	5.000	4.875
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Người lập biểu



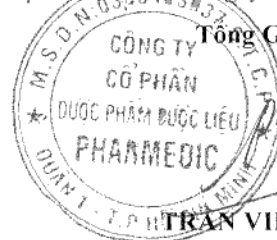
TRẦN MẠNH HƯNG

Kế toán trưởng



CAO TÂN TƯỚC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2016.



Tổng Giám Đốc



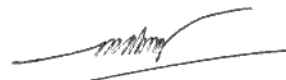
TRẦN VIỆT TRUNG

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VND

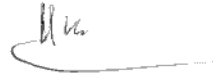
Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>82.611.061.399</b>	<b>80.211.746.593</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>4.594.426.724</b>	<b>5.255.150.746</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		8.523.387.690	7.768.785.562
03	- Các khoản dự phòng		171.890.510	416.808.752
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		4.819.148	(22.140.821)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.105.670.624)	(2.908.302.747)
06	- Chi phí lãi vay			
07	- Các khoản điều chỉnh khác			-
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>87.205.488.123</b>	<b>85.466.897.339</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.089.601.827)	(3.354.833.759)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		7.932.002.551	5.938.324.211
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		1.597.898.076	3.052.853.484
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(641.685.672)	(1.787.749.158)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(18.590.747.919)	(19.583.562.785)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	VII.1	(16.477.735.773)	(16.516.425.220)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>59.935.617.559</b>	<b>53.215.504.112</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(8.845.341.812)	(12.316.730.808)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		137.409.091	94.090.909
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.968.261.533	2.814.211.838
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(4.739.671.188)</b>	<b>(9.408.428.061)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			-
33	3. Tiền thu từ đi vay			-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay			-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(22.168.301.280)	(21.787.788.787)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(22.168.301.280)</b>	<b>(21.787.788.787)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>		<b>33.027.645.091</b>	<b>22.019.287.264</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>89.010.426.988</b>	<b>66.987.107.427</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(577.558)	4.032.297
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	V.1	<b>122.037.494.521</b>	<b>89.010.426.988</b>

Người lập biểu



**TRẦN MẠNH HƯNG**

Kế toán trưởng



**CAO TÂN TƯỚC**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2016.  
  
**Tổng Giám Đốc**  
  
**TRẦN VIỆT TRUNG**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (sau đây gọi tắt là "Công ty").

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

##### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (tên giao dịch là: Pharmedic Pharmaceutical Medicinal Joint Stock Company, tên viết tắt là: PHARMEDIC JSC) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển thể từ Xí nghiệp Công tư hợp doanh Dược phẩm Dược liệu thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4261/QĐ-UB ngày 13 tháng 08 năm 1997 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

##### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại.

##### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư y tế và các sản phẩm khác thuộc ngành y tế;
- Liên doanh, liên kết với tổ chức và các cá nhân ở trong và ngoài nước gia công chế biến một số nguyên phụ liệu (chủ yếu từ dược liệu để sản xuất một số mặt hàng có tính chất truyền thống);
- In và ép bao bì bằng nhựa, nhôm, giấy;
- Sản xuất, mua bán hoá chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), chế phẩm diệt côn trùng – diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (không sản xuất tại trụ sở).

##### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### **5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

##### **6. Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty có 600 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 565 nhân viên).

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

##### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.
- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Tỷ giá dùng để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam: 22.450 VNĐ/USD.
- Tỷ giá dùng để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là là nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam: 22.540 VNĐ/USD.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **3. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm khấu hao ước tính
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05-30
+ Máy móc và thiết bị	06-10
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

#### 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty/Doanh nghiệp đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

##### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính từ 03 đến 05 năm.



### ***Tài sản cố định vô hình khác***

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính từ 05 đến 08 năm.

## **8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chỉ trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## **9. Vốn chủ sở hữu**

### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

## **10. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

*Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP. Hồ Chí Minh*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*

*Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**12. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

**13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

**14. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản lỗ tỷ giá hối đoái.

**15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

**16. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tỷ giá 22.450 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tỷ giá 22.450 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tỷ giá 22.540 VNĐ/USD.

**17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

**▪ Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**▪ Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

*Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP. Hồ Chí Minh*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*

*Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

---

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**19. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	293.116.688	483.117.870
1.2	Tiền gửi ngân hàng	2.744.377.833	2.527.309.118
1.3	Tiền và các khoản tương đương tiền	119.000.000.000	86.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>122.037.494.521</b>	<b>89.010.426.988</b>

### 1.3 Các khoản tương đương tiền

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Thành.

### 2. Phải thu của khách hàng

Là phải thu ngắn hạn chủ yếu về tiêu thụ thành phẩm dược phẩm.

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>4.905.391.588</b>	<b>4.263.206.600</b>
- Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (SAPHARCO)	4.905.391.588	4.263.206.600
<b>Phải thu khách hàng khác</b>	<b>28.453.270.695</b>	<b>30.964.310.961</b>
- Công ty Cổ phần Dược phẩm VACOPHARM	2.323.160.674	2.142.771.820
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	1.076.298.745	949.006.997
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Lâm Đồng	1.273.005.374	806.503.622
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dược phẩm Lộc Phúc	1.188.602.277	1.155.626.396
- Các đối tượng khác	22.592.203.625	25.910.402.126
<b>Cộng</b>	<b>33.358.662.283</b>	<b>35.227.517.561</b>

### 3. Trả trước cho người bán

Là khoản trả trước cho người bán ngắn hạn chủ yếu của việc mua nguyên liệu và mua thiết bị cho sản xuất.

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>7.287.097.348</b>	<b>4.876.863.276</b>
- Công ty TNHH RIECKERMANN GmbH	3.259.935.589	-
- Công ty TNHH A.C.T	1.871.432.000	1.328.299.920
- Các đối tượng khác	2.155.729.759	3.548.563.356
<b>Cộng</b>	<b>7.287.097.348</b>	<b>4.876.863.276</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**4. Các khoản phải thu khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.435.707.470</b>	-	<b>891.726.027</b>	-
- Tạm ứng mua vật tư	755.940.096	-	529.033.000	-
- Ký quỹ ngắn hạn	40.310.917	-	33.145.082	-
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	611.917.805	-	329.547.945	-
- Phải thu khác	27.538.652	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.435.707.470</b>	-	<b>891.726.027</b>	-

**5. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>						
- Bệnh viện Đa khoa Khu vực Thủ Đức	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	347.805.150	149.251.389	Từ 6 tháng đến 3 năm	326.816.700	206.354.064
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Tây Ninh	Từ trên 2 năm đến 3 năm	216.922.293	65.076.688	Từ trên 1 năm đến 2 năm	208.816.083	104.408.041
- Công ty TNHH Dược phẩm Khang Nhân	Từ trên 1 năm đến 2 năm	259.148.789	129.574.395	-	-	-
- Các đối tượng khác	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	456.687.907	239.368.300	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	760.851.748	460.319.569
<b>Cộng</b>		<b>1.280.564.139</b>	<b>583.270.772</b>		<b>1.296.484.531</b>	<b>771.081.674</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(525.402.857)	-	(525.402.857)
Trích lập dự phòng bổ sung	(190.444.578)	-	(190.444.578)
Hoàn nhập dự phòng	18.554.068	-	18.554.068
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(697.293.367)</b>	-	<b>(697.293.367)</b>

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
6.1 Nguyên liệu, vật liệu	29.903.926.150	-	28.866.049.872	-
6.2 Công cụ, dụng cụ	223.021.432	-	-	-
6.3 Chi phí SXKD dở dang	4.244.364.890	-	5.919.292.491	-
6.4 Thành phẩm	22.172.862.979	-	29.826.096.126	-
6.5 Hàng hóa	398.180.798	-	262.920.311	-
<b>Cộng</b>	<b>56.942.356.249</b>	-	<b>64.874.358.800</b>	-

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

**6.1 Nguyên liệu, vật liệu**

Chủ yếu là nguyên vật liệu dùng cho sản xuất dược phẩm.

**6.3 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang**

Là nguyên vật liệu sản xuất sản phẩm dở dang và vật liệu đưa đi gia công bao bì.

**6.4 Thành phẩm**

Chủ yếu là thành phẩm thuốc.

**7. Chi phí trả trước**

**7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi tiết gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công cụ, dụng cụ phân bổ	922.933.425	-
- Bảo hiểm xe ô tô	80.646.850	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	1.940.234.750
<b>Cộng</b>	<b><u>1.003.580.275</u></b>	<b><u>1.940.234.750</u></b>

**Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>1.940.234.750</b>	<b>588.934.000</b>
Tăng trong kỳ	2.885.386.120	5.990.283.213
Phân bổ trong kỳ	(3.822.040.595)	(4.638.982.463)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>1.003.580.275</u></b>	<b><u>1.940.234.750</u></b>

**7.2 Chi phí trả trước dài hạn**

Là chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn phân bổ.

**Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn trong kỳ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>436.448.408</b>	<b>-</b>
Tăng trong kỳ	2.035.150.501	1.079.848.811
Phân bổ trong kỳ	(456.810.354)	(643.400.403)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>2.014.788.555</u></b>	<b><u>436.448.408</u></b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>28.026.095.929</b>	<b>81.897.948.393</b>	<b>15.806.123.029</b>	<b>2.163.300.450</b>	<b>127.893.467.801</b>
2. Tăng trong năm	898.513.170	3.981.883.279	3.674.531.636	290.413.727	8.845.341.812
- Tăng do mua mới	898.513.170	3.981.883.279	3.674.531.636	290.413.727	8.845.341.812
3. Giảm trong năm	-	621.965.570	250.804.800	82.674.921	955.445.291
- Thanh lý, nhượng bán	-	621.965.570	250.804.800	82.674.921	955.445.291
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>28.924.609.099</b>	<b>85.257.866.102</b>	<b>19.229.849.865</b>	<b>2.371.039.256</b>	<b>135.783.364.322</b>
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.632.599.073	50.691.658.554	6.929.228.172	1.525.512.529	66.778.998.328
<b>II. Giá trị hao mòn</b>					
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>18.101.631.433</b>	<b>62.340.951.122</b>	<b>10.917.971.003</b>	<b>1.808.108.225</b>	<b>93.168.661.783</b>
2. Tăng trong năm	1.572.846.378	4.965.991.314	1.520.328.578	193.084.159	8.252.250.429
- Khấu hao trong năm	1.572.846.378	4.965.991.314	1.520.328.578	193.084.159	8.252.250.429
3. Giảm trong năm	-	621.965.570	250.804.800	82.674.921	955.445.291
- Thanh lý, nhượng bán	-	621.965.570	250.804.800	82.674.921	955.445.291
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>19.674.477.811</b>	<b>66.684.976.866</b>	<b>12.187.494.781</b>	<b>1.918.517.463</b>	<b>100.465.466.921</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>9.924.464.496</b>	<b>19.556.997.271</b>	<b>4.888.152.026</b>	<b>355.192.225</b>	<b>34.724.806.018</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>9.250.131.288</b>	<b>18.572.889.236</b>	<b>7.042.355.084</b>	<b>452.521.793</b>	<b>35.317.897.401</b>



## 9. Tài sản cố định vô hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình như sau:

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm kế toán	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
<b>1. Số đầu năm</b>	<b>2.916.105.767</b>	<b>1.511.264.878</b>	<b>1.258.426.200</b>	<b>5.685.796.845</b>
2. Tăng trong năm	-	-	-	-
- Tăng do mua mới	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>2.916.105.767</b>	<b>1.511.264.878</b>	<b>1.258.426.200</b>	<b>5.685.796.845</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	1.411.282.678	1.258.426.200	2.669.708.878
<b>II. Giá trị hao mòn</b>				
<b>1. Số đầu năm</b>	<b>291.610.575</b>	<b>1.290.117.882</b>	<b>1.258.426.200</b>	<b>2.840.154.657</b>
2. Tăng trong năm	58.322.115	212.815.146	-	271.137.261
- Khấu hao trong năm	58.322.115	212.815.146	-	271.137.261
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>349.932.690</b>	<b>1.502.933.028</b>	<b>1.258.426.200</b>	<b>3.111.291.918</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>2.624.495.192</b>	<b>221.146.996</b>	-	<b>2.845.642.188</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>2.566.173.077</b>	<b>8.331.850</b>	-	<b>2.574.504.927</b>

(\*) Là giá trị quyền sử dụng đất của lô đất có diện tích 591,5 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng 50 năm, tọa lạc tại phường Đông Hưng Thuận, quận 12, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 830648 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 07/12/2009.

## 10. Phải trả cho người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>6.524.177.898</b>	<b>4.270.222.178</b>
- Công ty TNHH Dược phẩm Sài Gòn	2.579.428.921	784.357.624
- Công ty TNHH MTV TMDV Hợp Tiến	1.016.036.780	-
- Các đối tượng khác	2.928.712.197	3.485.864.554
<b>Cộng</b>	<b>6.524.177.898</b>	<b>4.270.222.178</b>

## 11. Người mua trả tiền trước

Là khoản tiền ứng trước của khách hàng mua thành phẩm dược phẩm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	447.125.700	5.653.177.878	6.041.939.591	58.363.987
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.041.007.617	1.041.007.617	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	84.305.384	84.305.384	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.857.327.664	19.094.246.240	18.590.747.919	7.360.825.985
Thuế thu nhập cá nhân	333.428.029	3.044.206.370	3.102.842.920	274.791.479
Thuế tài nguyên	842.000	9.485.000	9.526.200	800.800
Thuế nhà đất	-	8.029.616	8.029.616	-
Tiền thuế đất	-	1.587.806.280	1.587.806.280	-
Các loại thuế khác	-	127.070.652	127.070.652	-
<b>Cộng</b>	<b>7.638.723.393</b>	<b>30.649.335.037</b>	<b>30.593.276.179</b>	<b>7.694.782.251</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế suất thuế GTGT tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa, nguyên liệu là dược phẩm 5%
- Thuế suất thuế GTGT tiêu thụ phế liệu, thanh lý tài sản cố định và các mặt hàng khác không phải là dược phẩm 10%
- Thuế suất thuế GTGT cho hàng xuất khẩu 0%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	82.611.061.399	80.211.746.593
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.350.255.601	1.219.332.518
- Các khoản điều chỉnh giảm	16.653.432	(145.407.909)
Thu nhập chịu thuế	84.944.663.568	81.285.671.202
Thu nhập tính thuế	84.944.663.568	81.285.671.202
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>18.687.825.985</b>	<b>17.882.847.664</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>18.687.825.985</b>	<b>17.882.847.664</b>

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

**Thuế nhà đất**

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**13. Phải trả người lao động**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	24.880.129.275	26.320.861.306
Tiền ăn giữa ca	390.094.000	-
Các khoản khác cho CBCNV	1.795.468.543	1.733.165.572
<b>Cộng</b>	<b>27.065.691.818</b>	<b>28.054.026.878</b>

Đơn vị trích lập quỹ lương theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 38/PMC-HĐQT ngày 01 tháng 08 năm 2014 về hệ số tính lương 56% trên Tổng doanh thu trừ (-) tổng chi phí chưa có lương.

**14. Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

Chủ yếu là khoản cổ tức phải trả.

Chi tiết gồm:	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>5.171.304.365</b>	<b>4.570.935.277</b>
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	155.102.204	177.312.436
- Nhận ký quỹ, ký cược	997.000.000	924.000.000
- Cổ tức phải trả	3.699.496.761	3.469.622.841
- Phải trả khác	319.705.400	-
<b>Cộng</b>	<b>5.171.304.365</b>	<b>4.570.935.277</b>

**15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Tăng do trích</b>					
	<b>Số đầu năm</b>	<b>lập từ lợi</b>	<b>Tăng</b>	<b>Chi quỹ trong</b>	<b>Giảm khác</b>	<b>Số cuối năm</b>
		<b>nhuận</b>	<b>khác</b>	<b>năm</b>		
Quỹ khen thưởng	4.064.592.789	9.617.334.839	36.761.000	(9.326.174.621)	-	4.392.514.007
Quỹ phúc lợi	3.392.753.347	4.486.022.925	690.000	(4.613.662.152)	-	3.265.804.120
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	178.329.748	3.205.444.946	18.000.000	(2.520.550.000)	(72.800.000)	808.424.694
<b>Cộng</b>	<b>7.635.675.884</b>	<b>17.308.802.710</b>	<b>55.451.000</b>	<b>(16.426.295.893)</b>	<b>(72.800.000)</b>	<b>8.466.742.821</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**  
 Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
 Thuyết minh Báo cáo tài chính

**16. Vốn chủ sở hữu**

**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối (**)	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	93.325.730.000	972.972.000	25.090.409.233	6.481.634.000	32.752.603.552	158.623.348.785
- Tăng trong năm trước	-	-	15.431.985.015	2.781.629.428	62.328.898.929	80.542.513.372
- Giảm trong năm trước	-	-	9.263.263.428	(9.263.263.428)	(57.172.176.552)	(57.172.176.552)
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	93.325.730.000	972.972.000	49.785.657.676	-	37.909.325.929	181.993.685.605
- Tăng trong năm	-	-	23.101.921.019	-	63.923.235.414	87.025.156.433
+ Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh năm nay	-	-	-	-	63.923.235.414	63.923.235.414
+ Tăng từ lãi trong năm trước	-	-	23.101.921.019	-	-	23.101.921.019
- Giảm trong năm	-	-	-	-	(62.808.898.929)	(62.808.898.929)
Số dư cuối năm nay	93.325.730.000	972.972.000	72.887.578.695	-	39.023.662.414	206.209.943.109

**16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của cổ đông nhà nước Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (SAPHARCO)	43,44	40.543.090.000	40.543.090.000
- Vốn góp của cổ đông khác	56,56	52.782.640.000	52.782.640.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>93.325.730.000</b>	<b>93.325.730.000</b>

**16c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	93.325.730.000	93.325.730.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	93.325.730.000	93.325.730.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	22.398.175.200	22.398.175.200

**16d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.332.573	9.332.573
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.332.573	9.332.573
+ Cổ phiếu phổ thông	9.332.573	9.332.573
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ bán ra	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.332.573	9.332.573
+ Cổ phiếu phổ thông	9.332.573	9.332.573
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/1 cổ phiếu)	10.000	10.000

**16e. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị Quyết Hội Đồng Quản Trị số 26/PMC-HĐQT ngày 09/05/2014 và Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 31/NQ - HĐQT ngày 22/07/2015 như sau:

	Phân phối từ lợi nhuận năm 2014	Phân phối từ lợi nhuận năm 2015	Tổng cộng
• Chia cổ tức cho các cổ đông	13.065.602.200	9.332.573.000	22.398.175.200
• Trích quỹ đầu tư phát triển	23.101.921.019	-	23.101.921.019
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.741.802.710	15.567.000.000	17.308.802.710

**17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**17a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	1.834,18	4.745,18

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Euro (EUR)	1.052,34	1.076,10
<b>VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)</b>		
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<i>1a. Tổng doanh thu</i>		
Chi tiết gồm:	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu bán hàng hoá	8.013.044.008	8.676.068.336
- Doanh thu bán thành phẩm	379.991.866.073	355.135.783.910
<b>Cộng</b>	<b>388.004.910.081</b>	<b>363.811.852.246</b>
<i>1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan</i>		
Chi tiết gồm:	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu tiêu thụ thành phẩm cung cấp cho Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	31.058.816.873	21.639.790.113
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chi tiết gồm:	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Hàng hóa bán bị trả lại	4.980.505	2.610.400
- Thành phẩm bán bị trả lại	341.261.458	333.355.729
<b>Cộng</b>	<b>346.241.963</b>	<b>335.966.129</b>
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
Chi tiết gồm:	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Giá vốn bán hàng hoá	6.722.085.966	7.415.722.926
- Giá vốn bán thành phẩm	215.377.352.569	193.244.606.566
<b>Cộng</b>	<b>222.099.438.535</b>	<b>200.660.329.492</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Chi tiết gồm:	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.968.261.533	2.814.211.838
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	24.927.724	28.129.836
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	106.951.051	32.821.606
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	16.653.432	-
<b>Cộng</b>	<b>4.116.793.740</b>	<b>2.875.163.280</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
Chi tiết gồm:	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

-	Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	76.411.198	16.128.102
-	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	46.627.106	22.140.821
	<b>Cộng</b>	<b>123.038.304</b>	<b>38.268.923</b>
<b>6.</b>	<b>Chi phí bán hàng</b>		
	Chi tiết gồm:	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
-	Chi phí nhân viên	27.210.011.733	26.820.426.564
-	Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	1.317.191.924	1.093.204.503
-	Chi phí khấu hao tài sản cố định	827.619.244	668.792.670
-	Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.052.400.496	1.460.069.012
-	Các chi phí bằng tiền khác	14.267.441.532	15.557.860.953
	<b>Cộng</b>	<b>45.674.664.929</b>	<b>45.600.353.702</b>
<b>7.</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	Chi tiết gồm:	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
-	Chi phí nhân viên quản lý	29.808.868.778	29.356.832.625
-	Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	957.759.148	1.470.766.515
-	Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.154.158.401	1.043.595.571
-	Thuế, phí và lệ phí	1.618.781.896	372.872.016
-	Dự phòng phải thu khó đòi	171.890.510	416.808.752
-	Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.524.653.340	3.145.350.869
-	Các chi phí bằng tiền khác	3.647.436.581	3.683.100.178
	<b>Cộng</b>	<b>40.883.548.654</b>	<b>39.489.326.526</b>
<b>8.</b>	<b>Thu nhập khác</b>		
	Chi tiết gồm:	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
-	Nhượng bán TSCĐ	137.409.091	94.090.909
-	Nhượng bán nguyên phụ liệu	470.982.810	433.250.500
-	Thu nhập khác	148.378.093	241.225.379
	<b>Cộng</b>	<b>756.769.994</b>	<b>768.566.788</b>
<b>9.</b>	<b>Chi phí khác</b>		
	Chi tiết gồm:	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
-	Chi phí nhượng bán phụ liệu	598.579.149	426.168.568
-	Chi phí khác	541.900.882	693.422.381
	<b>Cộng</b>	<b>1.140.480.031</b>	<b>1.119.590.949</b>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

**10. Lãi trên cổ phiếu**

*Lãi cơ bản trên cổ phiếu*

<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	63.923.235.414	62.328.898.929
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông :		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm (*)	(17.259.273.562)	(16.828.802.710)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	46.663.961.852	45.500.096.219
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.332.573	9.332.573
<b>- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>5.000</b>	<b>4.875</b>

(\*) Số quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015 là số tạm tính, tương ứng với tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014 là 27% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Số này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty.

**11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

Chi tiết gồm:	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	134.110.593.903	131.685.741.066
- Chi phí nhân công	115.682.764.490	111.732.781.785
- Chi phí công cụ, dụng cụ	5.291.925.996	6.381.104.281
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.523.387.690	7.768.785.562
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.204.007.494	11.262.161.253
- Chi phí bằng tiền khác	25.649.261.395	19.619.943.688
<b>Cộng</b>	<b>301.461.940.968</b>	<b>288.450.517.635</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**1. Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tiền chi từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.477.735.773	16.516.425.220



## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính Công ty không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

### 2. Giao dịch với các bên liên quan

#### 2a. *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	3.022.380.000	2.835.745.816
Tiền thưởng	1.540.217.000	1.243.040.000
<b>Cộng</b>	<b>4.562.597.000</b>	<b>4.078.785.816</b>

#### 2b. *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (SAPHARCO) là Cổ đông lớn nhất với tỷ lệ góp vốn vào Công ty là 43,44%.

Các giao dịch với Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn trong kỳ như sau:

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Mua nguyên liệu (*)	944.422.981	1.140.195.420
- Trả tiền mua nguyên liệu	944.422.981	1.140.195.420
- Tiêu thụ thành phẩm (*)	31.058.816.873	21.639.790.113
- Thu tiền tiêu thụ thành phẩm	30.416.631.885	19.973.897.076
- Chi trả cổ tức	9.730.341.600	9.730.341.600

(\*) Giá bán các sản phẩm và giá mua nguyên phụ liệu bao gồm thuế giá trị gia tăng.

#### 2c. *Số dư với bên liên quan*

Xem thuyết minh tại mục *V.2 – Phải thu khách hàng*

### 3. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

#### *Lĩnh vực kinh doanh*

Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh dược phẩm.

#### *Khu vực địa lý*

Doanh thu phần lớn được thực hiện tại Việt Nam.

### 4. Số liệu so sánh

#### 4a. *Áp dụng chế độ kế toán mới*

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

trường Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**4b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới**

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
- Phải thu ngắn hạn khác	136	329.547.945	562.178.082	891.726.027
- Tài sản ngắn hạn khác	155	562.178.082	(562.178.082)	-
- Quỹ đầu tư phát triển	417	40.522.394.248	9.263.263.428	49.785.657.676
- Quỹ dự phòng tài chính	418	9.263.263.428	(9.263.263.428)	-
<b>Bảng kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.679	(1.804)	4.875

**5. Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**6. Khả năng hoạt động liên tục**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

**7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Công ty không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**  
 Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
**CÔNG BÁO CỐ TÀI CHÍNH**  
 Trách nhiệm kiểm toán tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
 Thành phố Hồ Chí Minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**8** Một số chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn</b>			
<b>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	84,73	83,78
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	15,27	16,22
<b>1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn</b>			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	21,08	22,33
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	78,92	77,67
<b>2. Khả năng thanh toán</b>			
2.1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	4,02	3,75
2.2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,99	2,51
2.3. Khả năng thanh toán tức thời	Lần	2,22	1,70
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần	%	42,71	44,79
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	16,49	17,15
- Doanh thu thuần trên tổng tài sản	%	156,45	164,01
- Tỷ suất sinh lời trên tài sản	%	25,80	28,12
- Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu	%	32,93	36,60
<b>4. Hệ số đo lường hiệu quả hoạt động</b>			
- Vòng quay tài sản	Vòng	1,56	1,64
- Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	9,47	9,41
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,36	5,36
- Vòng quay vốn lưu động	Vòng	2,50	2,70

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



TRẦN MẠNH HÙNG

CAO TẤN TƯỚC

TRẦN VIỆT TRUNG